TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **500**/2022/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 29 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 729/2022/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Hà Phương M, sinh năm: 1995

Địa chỉ thường trú: Thôn 12, xã L, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Vũ Duy K, sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: 52/81A, KP 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, ông Vũ Duy K và bà Nguyễn Hà Phương M cùng nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông K và bà M thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 21 tháng 3 năm 2022. Bà M cư trú tại thôn 12, xã L, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng, ông Kh cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông K và bà M có văn bản thoả thuận chọn Toà án nhân dân thành phố B để giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Ông K và bà M đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu

của ông K và bà M được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Vũ Duy K và bà Nguyễn Hà Phương M chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2019, ngày đăng ký: 27/11/2019. Ông K và bà M xác định có một con chung là Vũ Duy M, sinh ngày: 29/04/2021. Ly hôn, ông K và bà M thống nhất giao con cho bà M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 04 năm 2022 đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Ông K và bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông K và bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông K và bà M thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông K và bà M xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông K và bà M thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông Khiêm và bà Mai đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông K và bà M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Vũ Duy K và bà Nguyễn Hà Phương M

- Về con chung: Giao cháu Vũ Duy M, sinh ngày: 29/04/2021 cho bà Nguyễn Hà Phương M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Vũ Duy K cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 04/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông K vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của

một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Duy K và bà Nguyễn Hà Phương M mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mơi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0001798 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B. Ông K, bà M đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang